

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 485/2026/DS-PT

Ngày: 13-5-2026

V/v “Tranh chấp thừa kế quyền sử
dụng đất và đòi lại quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Đặng Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2026/TLPT-DS ngày 10 tháng 02
năm 2026 về “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và đòi lại quyền sử dụng
đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2025/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2025
của Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 414/2026/QĐXXPT-
DS ngày 30 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 529/2026/QĐ-
PT ngày 21 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị Sa M, sinh năm 1949. Địa chỉ: ấp N, xã H,
huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Thạch Thị Sa M: Ông
Thạch M1, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Thạch Thị Sa
M:* Bà Nguyễn Thị Hồng T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T10 tỉnh
Vĩnh Long. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Thạch X (X1), sinh năm 1957. Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long). (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Thạch X: Ông Nguyễn Hiếu N – Luật sư thuộc Công ty L2 - thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Thạch K, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp T, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long). (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

+ Bà Thạch Thị Sa M2, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long).

+ Bà Thạch Thị Sa M3 (M4), sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thạch Thị Sa M2, bà Thạch Thị Sa M3: Ông Tiều Hoàng L, sinh năm 2001. Địa chỉ: ấp H, phường H, tỉnh Cà Mau. Địa chỉ liên hệ: Số B N, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Sa M5, bà Thạch Thị Sa M3: Ông Nguyễn Hiếu N – Luật sư thuộc Công ty L2 - thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. (có mặt)

+ Ông Thạch T1, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long). (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

+ Ông Thạch T2, sinh năm 1961. Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long). (vắng mặt)

+ Bà Thạch Thị Sa M6 (N8), sinh năm 1955. Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long). (vắng mặt)

+ Ông Thạch D (D5), sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thạch D: Ông Thạch M1, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

+ Ông Thạch M6, sinh năm 1966. Đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định số 05/2020/QĐST-VDS ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long).

Người đại diện tham gia tố tụng: Bà Thạch Thị T3, sinh năm 1988 (là con ruột của ông Thạch M6). Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long). (có mặt)

+ Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp C, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long). (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

- + Ông Thạch S, sinh năm 1945. Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long). (có yêu cầu xét xử vắng mặt)
- + Ông Thạch N1, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long). (có yêu cầu xét xử vắng mặt)
- + Bà Thạch Thị L1, sinh năm 1937. Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long). (có yêu cầu xét xử vắng mặt)
- + Bà Thạch Thị T4, sinh năm 1956. Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long). (có yêu cầu xét xử vắng mặt)
- + Bà Kim Thị D1, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long). (có yêu cầu xét xử vắng mặt)
- + Ông Kim V, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long). (có yêu cầu xét xử vắng mặt)
- + Bà Thạch Thị T5 (N2), sinh năm 1936. Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long).
- + Ông Ngô T6, sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long). (vắng mặt)
- + Bà Ngô Thị D2 (V1), sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long).
- + Bà Ngô Thị N3, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long).
- + Bà Ngô Thị I, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long).
- + Bà Ngô Thị B, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long).
- + Bà Ngô Thị T7, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long).
- + Bà Ngô Thị C, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long).
- + Bà Ngô Thị M7, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp C, xã L, tỉnh Vĩnh Long).
- + Ông Sin R, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thạch Thị T5, bà Ngô Thị D2 (V1), bà Ngô Thị N3, bà Ngô Thị I, bà Ngô Thị T7, bà Ngô Thị M7, bà Ngô Thị B, ông Sin R: Ông Ngô T6, sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

- + Ông Trần Sa P, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long). (có yêu cầu xét xử vắng mặt)
- + Ông Sơn Tư G, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long). (có yêu cầu xét xử vắng mặt)
- + Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Vĩnh Long. (có yêu cầu xét xử vắng mặt)
- *Người phiên dịch*: Ông Thạch Mu N4 – Phiên dịch viên công tác tại Sở Tôn giáo và Dân tộc tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)
- *Người kháng cáo*: Ông Thạch X (Xuyên), là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm;

** Theo đơn khởi kiện ngày 16/5/2024, sửa đổi bổ sung các ngày 13/3/2023, ngày 31/7/2025 và ngày 15/8/2025 của nguyên đơn bà Thạch Thị Sa M và lời trình bày trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Thạch M1 trình bày:*

Nguyên cha mẹ của bà là ông Thạch R1 (hy sinh năm 1974) và Thạch Thị U' (chết năm 2005), lúc sinh thời có tất cả 07 người con gồm Thạch Thị Sa M, Thạch Thị Sa N5 (M6), Thạch X, Thạch R2 (đã chết), Thạch T2, Thạch M6 (đã mất tích) và Thạch D (D). Sau khi chết cha mẹ của bà có để lại 02 phần đất gồm:

+ Phần thứ nhất có diện tích 2.609m² (trong đó thuộc thửa 689 có diện tích 1.922m²; thuộc một phần của thửa 687 có diện tích 382m²; thuộc một phần của thửa 688 có diện tích 244m² và thuộc một phần của thửa 697 có diện tích 61m²) các thửa đất cùng tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc Nhuệ Tứ A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long). Phần đất này có nguồn gốc là của ông bà nội của bà tên Thạch C1 và Thạch Thị C1 để lại cho cha mẹ của bà tên Thạch R1 (hy sinh năm 1974) và Thạch Thị U' (chết năm 2005) từ trước năm 1975, trên phần đất này trước năm 1975 cha mẹ của bà cất một căn nhà để ở và cho em của bà tên Thạch X cất 01 căn nhà. Sau khi mẹ của bà qua đời vào năm 2005 thì để lại căn nhà cho em của bà tên Thạch Thị Sa N5 tiếp tục ở đến nay. Sau khi mẹ của bà là Thạch Thị U' qua đời thì phần đất này chưa cho người con nào trong gia đình. Tuy nhiên, quá trình sử dụng thì ông Thạch X đã tự ý cho con của ông X tên Thạch Thị Sa M5 và Thạch Thị Sa M3 mỗi người cất 01 căn nhà, trong khi chị em của bà còn 04 người gồm bà và các em của bà là Thạch T8, Thạch M6, Thạch D chưa được hưởng đối với phần đất này.

+ Phần đất thứ hai có diện tích 2.102 m² thuộc một phần của thửa 1660, tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Phần thửa đất này có 02 phần: phần

thứ nhất có diện tích (khoảng hơn 01 công) phần đất này trước năm 1975 khi vận động cha của bà đi làm cách mạng thì ông Thạch C2 đã cho cha mẹ của bà để canh tác và phần thứ hai diện tích (khoảng hơn 01 công) trong lúc cha của bà đi làm cách mạng (trước năm 1975) thì ông Ngô N6 đã cho cha mẹ của bà canh tác. Sau khi được cho đất thì gia đình bà đã trực tiếp quản lý sử dụng từ trước năm 1975, phần đất này từ xưa do mẹ của bà trực tiếp canh tác, quá trình canh tác mẹ của bà cũng cho các con trong gia đình luân phiên canh tác trên phần đất này. Sau khi mẹ của bà là bà Thạch Thị U' qua đời thì phần đất này chưa chia cụ thể cho người con nào, phần đất này trước khi tranh chấp thì ông X cũng có canh tác được khoảng 03 năm và hiện nay phần đất bỏ trống không ai canh tác.

Nay bà khởi kiện yêu cầu:

+ Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đổi với thửa 687, diện tích 382m^2 do bà Thạch Thị C3 đứng tên quyền sử dụng đất năm 1995; thửa 688, diện tích 244m^2 do ông Thạch S đứng tên quyền sử dụng đất năm 1995 và thửa 697, tích 61m^2 do bà Thạch Thị D3 đứng tên quyền sử dụng đất năm 1995, các thửa đất cùng tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc Nhuệ Tứ A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long).

+ Yêu cầu bà Thạch Thị Sa M2 và Thạch Thị Sa M3 di dời nhà cấp 4 và tài sản đang tồn tại trên thửa đất số 689, tọa lạc ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long).

+ Yêu cầu Công nhận phần đất diện tích 2.609m^2 (trong đó thuộc thửa 689 có diện tích 1.922m^2 , thửa 687 có diện tích 382m^2 , thửa 688 có diện tích 244m^2 và thửa 697 có diện tích 61m^2) các thửa đất cùng tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc Nhuệ Tứ A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long) và phần đất diện tích là 2.102m^2 thuộc một phần của thửa 1660 tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc Nhuệ Tứ B1, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long) là di sản của cha mẹ của bà là ông Thạch R1 và bà Thạch Thị U' để lại.

+ Yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất diện tích 2.609m^2 (trong đó thuộc thửa 689 có diện tích 1.922m^2 , thửa 687 có diện tích 382m^2 , thửa 688 có diện tích 244m^2 và thửa 697 có diện tích 61m^2) các thửa đất cùng tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc Nhuệ Tứ A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay thuộc ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long) và phần đất diện tích là 2.102m^2 thuộc một phần của thửa 1660 tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc Nhuệ Tứ B1, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long) cho bà được hưởng 01 suất theo quy định của pháp luật.

** Theo bản tự khai đề ngày 12/6/2021; biên bản lấy lời khai ngày 02/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Thạch X trình bày:*

Nguồn gốc phần đất diện tích 2.609m^2 (trong đó thuộc thửa 689 có diện tích 1.922m^2 , thửa 687 có diện tích 382m^2 , thửa 688 có diện tích 244m^2 và thửa 697 có diện tích 61m^2) các thửa đất cùng tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc Nhuệ Tứ A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay thuộc ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long) là của ông bà nội của ông tên Thạch C1 và bà Thạch Thị C1 để lại cho 03 người con tên Thạch R1, Thạch Thị H và Thạch Thị N7. Phần thửa đất này trước năm 1975 cha mẹ của ông là Thạch R1 và Thạch Thị U' cất một căn nhà và người cô tên Thạch Thị N7 cất một căn nhà để ở. Riêng bà Thạch Thị H không có cất nhà ở trên phần thửa đất này. Khoảng năm 1976 thì ông cũng cất 01 căn nhà phía trước nền nhà của cô Thạch Thị N7; quá trình sử dụng thì ông có khai phá thêm phía Đông liền kề với phần đất của cô Thạch Thị H, đến khoảng năm tập đoàn thì cô Thạch Thị N7 di dời đi nơi khác. Sau khi mẹ của ông qua đời thì ông đã cho con tên Thạch Thị Sa M3 cất nhà ở trên phần đất mà ông đã khai phá và cho con tên Thạch Thị Sa M5 cất nhà trên phần đất của người cô Thạch Thị H được hưởng. Đối với phần căn nhà của cha mẹ của ông sau khi mẹ của ông qua đời đã để lại cho chị của ông tên Thạch Thị Sa N5 ở đến nay. Trên phần thửa đất này thì phần của cha mẹ của ông chỉ được hưởng một phần hiện nay chị của ông tên Thạch Thị Sa N5 đang sử dụng; phần còn lại là phần của hai người cô Thạch Thị H và bà Thạch Thị N7, phần đất này hiện nay ông và người con của ông là Thạch Thị Sa M5 đang sử dụng. Riêng phần phần đất mà con của ông tên Thạch Thị Sa M3 đang cất nhà là do ông khai phá từ năm 1976.

Đối với phần đất diện tích 2.102m^2 thuộc một phần của thửa 1660, tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh phần đất này có 02 phần, thứ nhất khoảng 01 công là của ông Ngô N6, trước năm 1975 ông N6 cho cha mẹ của ông canh tác, đến khoảng năm 1976 thì gia đình ông Ngô N6 đã lấy lại và sau đó ông đã đi xin từ ông N6 nên ông N6 đã cho ông phần đất này và ông đã canh tác đến nay; phần đất thứ hai khoảng 01 công là của ông Thạch C2 cho cha của ông tên Thạch R1 canh tác đến khoảng năm 1976 khi ông đang canh tác thì con của ông C2 là Thạch Thị T9 đến đòi lại nên ông đã xin phần đất này từ bà Thạch Thị T9 và ông trực tiếp canh tác đến nay. Nay ông không đồng ý theo yêu cầu của bà Sa M, vì phần đất này sau khi ông N6 và con ông C2 đòi lại thì ông đã trực tiếp xin từ ông N6 và con của ông C2 và đã trực tiếp canh tác từ năm 1976 đến nay.

** Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 23/12/2022 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị T5 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của bà Thạch Thị T5 trình bày:*

Về nguồn gốc phần đất diện tích là 2.102m² thuộc một phần của thửa 1660 tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc Nhuệ Tứ B1, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long) có nguồn gốc là của chồng bà tên Ngô N6 (đã chết) để lại. Phần đất này trước năm 1975, do thấy gia đình ông Thạch R1 (cha của bà Thạch Thị Sa M, ông Thạch X) đông con, hoàn cảnh khó khăn nên chồng bà cho gia đình ông Thạch R1 mượn canh tác trồng hoa màu. Sau khi gia đình ông R1 canh tác được một thời gian thì chồng bà có đến gặp ông R1 để yêu cầu trả lại đất, khi đó ông R1 có hứa sẽ trả lại đất cho chồng của bà. Tuy nhiên, một thời gian sau thì ông R1 chết, gia đình bà cũng có đến gia đình ông R1 tiếp tục yêu cầu trả đất nhưng con ông R1 là ông Thạch X không đồng ý trả mà còn muốn đánh và hăm dọa gia đình của bà nên từ đó đến nay gia đình bà không dám đến đòi lại phần đất, một phần do không am hiểu quy định của pháp luật nên không biết đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để yêu cầu giải quyết. Hiện nay giữa bà Thạch Thị Sa M, ông Thạch X (con của ông Thạch R1) đang tranh chấp thừa kế liên quan đến phần đất mà chồng của bà đã cho mượn canh tác trước đây, việc này bà không đồng ý, vì phần thửa đất này có nguồn gốc là của chồng bà để lại chứ không phải di sản của cha mẹ của bà Sa M và ông X để lại. Đồng thời, yêu cầu yêu cầu ông Thạch X phải trả lại phần đất diện tích 2.102m² thuộc thửa số 1660, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long) cho bà sử dụng theo quy định.

** Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 18/7/2025 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Sa M2 trình bày:*

Về nguồn gốc phần đất mà vợ chồng bà đang cất nhà ở và sử dụng có diện tích 570m² thuộc một phần của thửa 689, tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay thuộc ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long) có nguồn gốc là của cha của bà tên Thạch X, tiếp nối ông bà tổ tiên khai hoang thêm để mở rộng đất và quản lý sử dụng ổn định, lâu dài từ trước đến nay. Thời gian sau (khoảng năm 2007) thì cha của bà đã cho vợ chồng bà cất nhà và một số công trình phụ để ở và sử dụng. Tuy nhiên, do thiếu sự am hiểu pháp luật nên cha của bà và bà cứ quản lý và sử dụng mà không tiến hành kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay phía bà Thạch Thị Sa M yêu cầu bà di dời nhà và các tài sản đang tồn tại trên phần đất diện tích 570m² thuộc một phần của thửa

689 thì bà không đồng ý. Đồng thời, bà yêu cầu công nhận đối với phần đất diện tích 570m² thuộc một phần của thửa 689 cho bà được sử dụng hợp pháp để bà đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

** Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 18/7/2025 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Sa M3 trình bày:*

Về nguồn gốc phần đất mà vợ chồng bà đang cất nhà ở và sử dụng có diện tích 618,8m² thuộc một phần của thửa 689, tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay thuộc ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long) có nguồn gốc là của cha của bà tên Thạch X, tiếp nối ông bà tổ tiên khai hoang thêm để mở rộng đất và quản lý sử dụng ổn định, lâu dài từ trước đến nay. Thời gian sau (khoảng năm 2009) thì cha của bà đã cho vợ chồng bà cất nhà và một số công trình phụ để ở và sử dụng. Tuy nhiên, do thiếu sự am hiểu pháp luật nên cha của bà và bà cứ quản lý và sử dụng mà không tiến hành kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay phía bà Thạch Thị Sa M yêu cầu bà di dời nhà và các tài sản đang tồn tại trên phần đất diện tích 618,8m² thuộc một phần của thửa 689 thì bà không đồng ý. Đồng thời, bà yêu cầu công nhận đối với phần đất diện tích 618,8m² thuộc một phần của thửa 689 cho bà được sử dụng hợp pháp để bà đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 20/10/2022 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch S trình bày:*

Nguồn gốc phần thửa đất số 687, diện tích 990m² và thửa 688 diện tích 860m² là của mẹ của ông là Thạch Thị C3 (đã chết) để lại cho ông quản lý sử dụng, phần thửa đất 688 thì ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995, nhưng hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị thất lạc, không tìm thấy; đối với thửa đất 687 thì do mẹ của ông Thạch Thị C3 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995. Về ranh giới của hai thửa đất 687 và thửa đất 688 của ông đang quản lý sử dụng với thửa đất 689 của gia đình ông R1, bà U có sự thay đổi so với trước đây, do trong quá trình sử dụng các con của ông R1, bà U lấn chiếm sang phần hai thửa đất của gia đình ông. Hiện nay đối với phần đất đang tranh chấp này ông không có yêu cầu, thống nhất giao cho các con của bà U quyết định, thống nhất theo hiện trạng sử dụng hiện nay.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về bên nguyên đơn gồm ông Thạch T2, bà Thạch Thị Sa N5, ông Thạch D và bà Thạch Thị T3 thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị Sa M.*

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Vĩnh Long đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2025/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 5, 9 Điều 26, các Điều 34, 35, 39, 91, 92, 93, 94, 147, 157, 158, Điều 165, 166, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025); các Điều 160, 161, 175, 212, 468, 612, 613, 616, 623 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị Sa M về việc yêu cầu xác định quyền sử dụng đất diện tích 2.609m². Trong đó, thuộc thửa đất số 689 (diện tích thực đo 1.922 m²), thuộc một phần của thửa 687 (diện tích 382 m²), thuộc một phần của thửa 688 (diện tích 244 m²), thuộc một phần của thửa 697 (diện tích 61m²) cùng tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh và phần đất diện tích 2.102m² thuộc một phần thửa 1660, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh là di sản của ông Thạch R1 và bà Thạch Thị U để lại. Đồng thời, yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất diện tích 2.609m² và phần đất diện tích là 2.102m² theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Thạch Thị T5 về việc yêu cầu ông Thạch X phải trả lại phần đất diện tích 2.102m² thuộc thửa số 1660, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long).

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Thạch Thị Sa M2 về việc yêu cầu công nhận phần đất diện tích 570m² thuộc một phần của thửa 689.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Thạch Thị Sa M3 về việc yêu cầu công nhận phần đất diện tích 618,8m² thuộc một phần của thửa 689.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Thạch Thị C3 tại thửa 687, diện tích 990m²; cho hộ ông Thạch S tại thửa 688, diện tích 860m² và cho hộ bà Kim Thi D4 tại thửa 697, diện tích 4.010m² cùng tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long) vào

năm 1995.

- Công nhận phần đất diện tích 2.609m^2 (Trong đó, thuộc thửa đất số 689 (diện tích thực đo 1.922m^2), thuộc một phần của thửa 687 (diện tích 382m^2), thuộc một phần của thửa 688 (diện tích 244m^2), thuộc một phần của thửa 697 (diện tích 61m^2) cùng tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long) là di sản ông Thạch R1 và bà Thạch Thị U để lại.

- Chia thừa kế đối với phần đất diện tích 2.609m^2 cho những người thuộc hàng thừa kế thừa kế thứ nhất của cụ R1 và cụ U gồm:

+ Chia cho bà Thạch Thị Sa M giá trị 01 suất thừa kế bằng $401,38\text{m}^2 \times 590.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 236.814.200\text{đồng}$.

+ Chia cho ông Thạch T2 giá trị 01 suất thừa kế bằng $401,38\text{m}^2 \times 590.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 236.814.200\text{đồng}$.

+ Chia cho ông Thạch M6 (do Thạch Thị T3 đại diện) giá trị 01 suất thừa kế bằng $401,38\text{m}^2 \times 590.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 236.814.200\text{đồng}$.

+ Chia cho ông Thạch D giá trị 01 suất thừa kế bằng $401,38\text{m}^2 \times 590.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 236.814.200\text{đồng}$.

+ Chia cho bà Thạch Thị Sa N5 được quyền quản lý, sử dụng đất tổng diện tích thực đo 466m^2 ; trong đó, thuộc một phần thửa số 687, có diện tích $244,3\text{m}^2$; thuộc một phần thửa số 688, có diện tích $218,2\text{m}^2$; thuộc một phần thửa số 689, có diện tích $0,8\text{m}^2$; thuộc một phần thửa số 697, có diện tích $2,7\text{m}^2$ cùng tờ bản đồ số 5, cùng tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long) và tài sản gắn liền với đất.

Phần đất diện tích 466m^2 , có tứ cận như sau (kèm theo sơ đồ khu đất):

Hướng Bắc giáp đường nhựa, kích thước 5,8 mét;

Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 697, kích thước 6,2 mét;

Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 687, kích thước 42,2 mét, phần còn lại của thửa 688, kích thước 31,3 mét; phần còn lại của thửa 689, kích thước 5,7 mét; phần còn lại của thửa 697, kích thước 0,9 mét.

Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 687, kích thước 41,8 mét; phần còn lại của thửa 688, kích thước 37,0 mét.

+ Bà Thạch Thị Sa N5 có nghĩa vụ hoàn trả giá trị phần diện tích chênh lệch so với 01 suất thừa kế được hưởng ($401,38\text{m}^2$) là $64,62\text{m}^2 \times 590.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 38.125.800\text{đồng}$ cho ông Thạch M6 (do Thạch Thị T3 đại diện).

+ Chia cho ông Thạch X được quyền quản lý, sử dụng đất tổng diện tích

thực đo $500,1\text{m}^2$, thuộc một phần thửa số 687, có diện tích $137,7\text{m}^2$; thuộc một phần thửa số 688, có diện tích $25,8\text{m}^2$; thuộc một phần thửa số 689, có diện tích $329,7\text{m}^2$; thuộc một phần thửa số 697, có diện tích $6,9\text{m}^2$ cùng tờ bản đồ số 5, cùng tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long) và tài sản gắn liền với đất.

Phần đất diện tích $500,1\text{m}^2$, có tứ cận như sau (kèm theo sơ đồ khu đất):

Hướng Bắc giáp lộ nhựa, kích thước 4,9 mét và 2,1 mét;

Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 697, kích thước 5,6 mét;

Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 689, kích thước 79,5 mét; phần còn lại của thửa 697, kích thước 1,6 mét.

Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 687, kích thước 42,2 mét, phần còn lại của thửa 688, kích thước 31,3 mét; phần còn lại của thửa 689, kích thước 5,7 mét; phần còn lại của thửa 697, kích thước 0,9 mét.

+ Công nhận cho ông Thạch X phần đất diện tích $453,2\text{m}^2$, loại đất cây lâu năm, thuộc một phần thửa số 689, có diện tích $439,2\text{m}^2$; thuộc một phần thửa số 697, có diện tích 14m^2 cùng tờ bản đồ số 5, cùng tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long) và tài sản gắn liền với đất.

Phần đất diện tích $453,2\text{m}^2$, có tứ cận như sau (kèm theo sơ đồ khu đất):

Hướng Bắc giáp lộ nhựa, kích thước 6,1 mét;

Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 697, kích thước 5,0 mét;

Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 689, kích thước 80,3 mét, phần còn lại của thửa 697, kích thước 3,2 mét;

Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 689, kích thước 80,1 mét; phần còn lại của thửa 697, kích thước 2,6 mét:

+ Buộc ông Thạch X có nghĩa vụ hoàn trả giá trị phần diện tích chênh lệch so với 1,5 suất thửa kế được hưởng $(500,1\text{m}^2 + 453,2\text{m}^2) - 602,07\text{m}^2 = (351,23\text{m}^2 \times 590.000 \text{ đồng/m}^2 = 207.225.700 \text{ đồng}$ cho bà Thạch Thị Sa M.

+ Công nhận cho bà Thạch Thị Sa M2 được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích $570,9\text{m}^2$, loại đất cây lâu năm, thuộc một phần thửa số 689, có diện tích $555,7\text{m}^2$; thuộc một phần thửa số 697, có diện tích $15,2\text{m}^2$ cùng tờ bản đồ số 5, cùng tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long) và tài sản gắn liền với đất.

Phần đất diện tích $570,9\text{m}^2$, có tứ cận như sau (kèm theo sơ đồ khu đất):

Hướng Bắc giáp lộ nhựa, kích thước 6,7 mét;

Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 697, kích thước 7,5 mét;

Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 689, kích thước 80,1 mét, phần còn lại của thửa 697, kích thước 2,6 mét;

Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 689, kích thước 79,5 mét; phần còn lại của thửa 697, kích thước 1,6 mét.

+ Buộc bà Thạch Thị Sa M2 phải hoàn giá trị quyền sử dụng đất phần đất diện tích $570,9\text{m}^2$ ($570,9\text{m}^2 \times 590.000 \text{ đồng/m}^2$) bằng 336.831.000 đồng cho ông Thạch D giá trị 01 suất thừa kế bằng 236.814.200 đồng và cho ông Thạch M6 (do Thạch Thị T3 đại diện) bằng 100.016.800 đồng.

+ Công nhận cho bà Thạch Thị Sa M3 (S) được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích $618,8\text{m}^2$, loại đất cây lâu năm, thuộc một phần thửa số 689, có diện tích $596,6\text{m}^2$; thuộc một phần thửa số 697, có diện tích $22,2\text{m}^2$ cùng tờ bản đồ số 5, cùng tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long) và tài sản gắn liền với đất.

Phần đất diện tích $618,8\text{m}^2$; có tứ cận như sau (kèm theo sơ đồ khu đất):

Hướng Bắc giáp lộ nhựa, kích thước 9,1 mét;

Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 697, kích thước 6,3 mét;

Hướng Đông giáp thửa 690, kích thước 58,7 mét; giáp thửa 694, kích thước 21,8 mét và 4,0 mét;

Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 689, kích thước 80,3 mét; phần còn lại của thửa 697, kích thước 3,2 mét.

+ Buộc bà Thạch Thị Sa M3 (S) phải hoàn giá trị quyền sử dụng đất phần đất diện tích $618,8\text{m}^2$ ($618,8\text{m}^2 \times 590.000 \text{ đồng/m}^2$) bằng 365.092.000 đồng cho ông Thạch T2 giá trị 01 suất thừa kế bằng 236.814.200 đồng; cho ông Thạch M6 (do Thạch Thị T3 đại diện) số tiền 98.671.600 đồng và cho bà Thạch Thị Sa M số tiền 29.606.200 đồng.

- Công nhận phần đất diện tích 2.102 m^2 thuộc một phần thửa 1660, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long) là di sản của cha mẹ là ông Thạch R1 và bà Thạch Thị Ư để lại.

- Chia thừa kế đối với phần đất diện tích 2.102 m^2 cho những người thuộc hàng thừa kế thừa kế thứ nhất của cụ R1 và cụ Ư gồm bà Thạch Thị Sa M, bà Thạch Thị Sa N5 (M6), ông Thạch X, ông Thạch T2, ông Thạch M6 (do Thạch Thị T3 đại diện) và ông Thạch D (Dinh) mỗi người 01 suất thừa kế theo pháp luật, cụ thể như sau:

+ Chia cho bà Thạch Thị Sa M 01 suất thừa kế bằng bằng hiện vật đối với

phần đất diện tích $323,38\text{m}^2$ ($323,38\text{m}^2 \times 514.000 \text{ đồng/m}^2 = 166.217.320 \text{ đồng}$) và công nhận phần diện tích còn lại là $1.778,6\text{m}^2$. Tổng cộng diện tích là 2.102m^2 thuộc một phần thửa 1660, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long) cho bà Thạch Thị Sa M.

Phần đất diện tích 2.102m^2 , có tứ cận như sau (kèm theo sơ đồ khu đất);

Hướng Bắc giáp đường nhựa, kích thước 35,5; giáp phần còn lại của thửa 1660, kích thước 53,1 mét;

Hướng Nam giáp thửa 1756, kích thước 31,6; giáp thửa 704, 705, 710, kích thước 50,1 mét;

Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 1660, kích thước 36,4 mét và 16,2 mét;

Hướng Tây giáp thửa 1718, kích thước 40,6 mét; giáp thửa 1756, kích thước 12,0 mét.

+ Bà Thạch Thị Sa M có nghĩa vụ chia cho các đồng thừa kế khác mỗi người 01 suất thừa kế theo pháp luật, cụ thể gồm:

+ Chia cho ông Thạch X giá trị 1,5 suất thừa kế bằng ($485,07\text{m}^2 \times 514.000 \text{ đồng/m}^2$) = 249.325.980 đồng.

+ Chia cho bà Thạch Thị Sa N5 giá trị 01 suất thừa kế bằng ($323,38\text{m}^2 \times 514.000 \text{ đồng/m}^2$) = 166.217.320 đồng.

+ Chia cho ông Thạch T2 giá trị 01 suất thừa kế bằng ($323,38\text{m}^2 \times 514.000 \text{ đồng/m}^2$) = 166.217.320 đồng.

+ Chia cho ông Thạch M6 (do Thạch Thị T3 đại diện) giá trị 01 suất thừa kế bằng ($323,38\text{m}^2 \times 514.000 \text{ đồng/m}^2$) = 166.217.320 đồng.

+ Chia cho ông Thạch D giá trị 01 suất thừa kế bằng ($323,38\text{m}^2 \times 514.000 \text{ đồng/m}^2$) = 166.217.320 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, thi hành bản án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/11/2025, bị đơn ông Thạch X kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xác định các phần đất tranh chấp là di sản của cụ Thạch R1 và Thạch Thị U', công nhận cho ông Thạch X các phần đất có diện tích 2.102m^2 và 2.609m^2 .

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Thạch X trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Sa M5, bà Thạch Thị Sa M3 đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Xét thấy kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2025/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bị đơn ông Thạch X; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Thạch X kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn ông Thạch X, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Lúc sinh thời, cụ ông Thạch R1 (hy sinh năm 1974) và cụ bà Thạch Thị Ư (chết năm 2005), có tất cả 07 người con gồm bà Thạch Thị Sa M, bà Thạch Thị Sa N5 (M6), ông Thạch X, ông Thạch R2 (hy sinh năm 1974, không có vợ con), ông Thạch T2, ông Thạch M6 (đã mất tích) và ông Thạch D (Dinh). Ngoài ra, cụ R1 và cụ Ư không còn con nuôi hoặc con riêng nào khác. Như vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì có căn cứ xác định bà Thạch Thị Sa M, bà Thạch Thị Sa N5 (M6), ông Thạch X, ông Thạch T2, ông Thạch M6 (đã mất tích) và ông Thạch D (Dinh) là những người thuộc hàng thừa kế thừa kế thứ nhất của cụ R1 và cụ Ư.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị Sa M về việc xác định quyền sử dụng đất diện tích 2.609m²; trong đó, thuộc thửa đất số 689 (diện tích thực đo 1.922m²), thuộc một phần của thửa 687 (diện tích 382m²),

thuộc một phần của thửa 688 (diện tích 244m^2), thuộc một phần của thửa 697 (diện tích 61m^2) cùng tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh và phần đất diện tích 2.120m^2 thuộc một phần thửa 1660, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh là di sản của cha mẹ của bà là ông Thạch R1 và bà Thạch Thị U để lại, thấy rằng:

- Đối với phần đất diện tích 2.609m^2 [trong đó, thuộc thửa 689 (diện tích thực đo 1.922m^2), thuộc một phần của thửa 687 (diện tích 382m^2), thuộc một phần của thửa 688 (diện tích 244m^2), thuộc một phần của thửa 697 (diện tích 61m^2)]. Có nguồn gốc là của ông Thạch C1 và bà Thạch Thị C1 (đều đã chết, là cha mẹ của của ông Thạch R1) cho vợ chồng ông Thạch R1 và bà Thạch Thị U quản lý, sử dụng ổn định từ trước năm 1975. Sau khi ông R1 hy sinh năm 1974, phần đất này được bà U tiếp tục quản lý sử dụng để cất nhà ở, quản lý sử dụng, đến mất năm 2005 thì bà U chết. Việc ông R1, bà U sử dụng đất là công khai, ổn định lâu dài và không có tranh chấp là căn cứ xác lập quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật đất đai. Sau khi bà U chết thì phần đất này chưa được phân chia cụ thể cho các con nên phần đất này trở thành di sản của ông Thạch R1 và bà Thạch Thị U để lại cho hàng thừa kế thứ nhất của ông R1 và bà U theo quy định Điều 612 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, việc bà Thạch Thị Sa M yêu cầu công nhận phần đất này là di sản của ông Thạch R1 và bà Thạch Thị U là có căn cứ.

- Đối với phần đất diện tích 2.102m^2 thuộc thửa 1660, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp N, xã H, xét thấy phần đất này trước năm 1975 do ông Ngô N6 và ông Thạch C2 cho ông R1, bà U mượn canh tác. Sau năm 1975 thì bà U và các con của bà U tiếp tục canh tác, quản lý ổn định từ đó đến nay. Mặc dù, phần thửa đất trên có nguồn gốc là của ông Ngô N6, nhưng thực tế phần đất này do gia đình ông R1, bà U trực tiếp sử dụng đất này ổn định, liên tục trong thời gian dài không có tranh chấp; việc ông Ngô N6 không phải là người trực tiếp sử dụng đất nhưng có tên trong tài liệu đo đạc năm 1995 là không chính xác và không phải là căn cứ để xác định ông N6 là chủ sử dụng hợp pháp đối với thửa đất 1660. Việc gia đình ông R1, bà U sử dụng đất ổn định, liên tục trong thời gian dài, không có tranh chấp là căn cứ xác lập quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật đất đai. Sau khi ông R1, bà U chết thì phần đất này chưa được phân chia cụ thể cho các con nên phần đất này trở thành di sản của ông Thạch R1 và bà Thạch Thị U để lại cho hàng thừa kế thứ nhất của ông R1 và bà U theo quy định Điều

612 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, việc bà Thạch Thị Sa M yêu cầu công nhận phần đất này là di sản của ông Thạch R1 và bà Thạch Thị U là có căn cứ.

[2.3] Đối với lời nại ra của bị đơn ông Thạch X1 cho rằng đối với phần đất trồng cây lâu năm diện tích 2.609m^2 thì cụ Thạch C1, Thạch Thị C1 để lại cho 03 người con tên Thạch R1, Thạch Thị H và bà Thạch Thị N7 mỗi người một phần, cha mẹ của ông được hưởng một phần hiện nay chị của ông là bà N5 quản lý, sử dụng, còn phần của hai người cô Thạch Thị H, bà Thạch Thị N7 hiện nay ông và con của ông là bà Thạch Thị Sa M5 quản lý, đối với phần bà Thạch Thị Sa M3 con ông đang quản lý sử dụng là do ông khai phá thêm. Còn đối với phần đất trồng hoa màu (2.102m^2) thì ông X cho rằng phần đất này trước năm 1975 ông N6 và ông C2 đã cho ông bà nội của ông là ông Thạch C1 và bà Thạch Thị C1 đến khoảng năm 1976 thì gia đình ông Ngô N6 và gia đình ông C2 đã lấy lại và sau đó ông đã đi xin từ ông N6 và con ông C2 là bà T9, đồng thời đã trực tiếp quản lý sử dụng từ năm 1976 đến nay. Thấy rằng, ngoài lời trình bày thì ông không có tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ; phần đất này là di sản của cụ R1 và cụ U để lại; phần đất trên không phải là đất hoang hóa, không có chủ sử dụng, ông X chỉ là người có công sức là cùng quản lý phần đất với bà U trong thời gian dài, việc ông X có thời gian dài quản lý phần đất này sẽ được xem công sức hợp lý khi di sản này được phân chia theo quy định của pháp luật.

[2.4] Đối với phần đất diện tích 2.609m^2 là di sản của ông R1 và bà U phân chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất của ông R1 và bà U gồm bà Thạch Thị Sa M, bà Thạch Thị Sa N5 (M6), ông Thạch X, ông Thạch T2, ông Thạch M6 (do Thạch Thị T3 đại diện) và ông Thạch D (Dinh) mỗi người được hưởng 01 suất thừa kế theo pháp luật. Tuy nhiên, đối với phần di sản này sau khi ông R1 hy sinh năm 1974 thì phần đất này chủ yếu do ông Thạch X trực tiếp cùng quản lý với bà U và bà Thạch Thị Sa N5. Sau khi bà U chết năm 2005 thì phần đất này chủ yếu do ông X là người trực tiếp quản lý đến nay. Do đó khi phân chia phần di sản này cho các đồng thừa kế của ông R1, bà U thì cần ưu tiên phân chia theo hiện trạng sử dụng của ông X và bà Sa N5, đồng thời tính công sức quản lý, gìn giữ di sản cho ông X tương ứng $\frac{1}{2}$ suất thừa kế được hưởng đối với phần di sản này. Như vậy, tổng số suất thừa kế xác định là 6,5 suất, tương ứng với diện tích đất 2.609m^2 nên mỗi suất thừa kế được tính như sau: Diện tích $2.609\text{m}^2 / 6,5$ suất = $401,38\text{m}^2$ (giá trị bằng $401,38\text{m}^2 \times 590.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 236.814.200 \text{ đồng}$).

Riêng ông Thạch X được hưởng 1,5 suất thừa kế với diện tích $602,07\text{m}^2$ (giá trị bằng $602,07\text{m}^2 \times 590.000 \text{ đồng/m}^2 = 355.221.300 \text{ đồng}$).

[2.5] Đối với phần đất diện tích 2.102m^2 là di sản của ông R1 và bà U phân chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất của ông R1 và bà U gồm bà Thạch Thị Sa M, bà Thạch Thị Sa N5 (M6), ông Thạch X, ông Thạch T2, ông Thạch M6 (do Thạch Thị T3 đại diện) và ông Thạch D (Dinh) mỗi người được hưởng 01 suất thừa kế theo luật. Tuy nhiên, thấy rằng sau khi ông R1 hy sinh năm 1974, thì phần đất này do bà U và các con cùng nhau luân phiên canh tác và quản lý sử dụng. Sau khi bà U chết năm 2005 thì mặc dù các con của bà U có tiếp tục luân phiên canh tác trên phần đất, nhưng ông X là người có công sức quản lý, gìn giữ nhiều hơn so với các đồng thừa kế khác nên khi phân chia phần di sản này cho các đồng thừa kế của ông R1, bà U thì cần tính công sức quản lý, gìn giữ di sản cho ông X tương ứng $\frac{1}{2}$ suất thừa kế được hưởng đối với phần di sản này. Mặt khác, đối với phần đất này là loại đất nông nghiệp, việc phân chia bằng hiện vật cho các đồng thừa kế mỗi người 01 suất thừa kế sẽ không đảm bảo diện tích tối thiểu khi cấp giấy chứng nhận quyền sử đất. Đối với phần di sản này thì chỉ có bà Sa M yêu cầu chia bằng hiện vật, còn các đồng thừa kế khác chủ yếu yêu cầu nhận bằng giá trị. Do đó, cần giao cho bà Sa M toàn bộ phần đất diện tích 2.102m^2 , đồng thời cần buộc bà Sa M hoàn trả lại giá trị cho các hàng thừa khác. Như vậy, tổng số suất thừa kế xác định là 6,5 suất, tương ứng với diện tích đất 2.102m^2 nên mỗi suất thừa kế được tính như sau: Diện tích $2.102\text{m}^2 / 6,5 \text{ suất} = 323,38\text{m}^2$ (giá trị bằng $323,38\text{m}^2 \times 514.000 \text{ đồng/m}^2 = 166.217320 \text{ đồng}$). Riêng ông Thạch X được hưởng 1,5 suất thừa kế với diện tích $485,07\text{m}^2$ (giá trị bằng $485,07\text{m}^2 \times 514.000 \text{ đồng/m}^2 = 249.325.980 \text{ đồng}$).

[2.6] Đối với căn nhà (dạng nhà tình nghĩa) của bà Thạch Thị U. Đây cũng là di sản của bà Thạch Thị U để lại, sau khi bà U chết thì chưa được phân chia cho các đồng thừa kế của bà U, hiện nay phần căn nhà này do bà Thạch Thị Sa N5 là người trực tiếp đang quản lý và sử dụng. Đối với phần di sản này thì các đồng thừa kế của bà U đều thống nhất giao cho bà Thạch Thị Sa N5 tiếp tục quản lý sử dụng và không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của bị đơn ông Thạch X cũng như những lời trình bày, tranh luận tại phiên tòa xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông X là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Vì vậy, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Thạch X phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên ông X thuộc diện được miễn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Thạch X, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2025/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 5, khoản 9 Điều 26; các Điều 34; 35; 39; 91; 92; 93; 94; 147; 157; 158; 165; 166; 227; 228; 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025).

Áp dụng các Điều 160; 161; 175; 212; 468; 612; 613; 616; 623 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 12; Điều 26; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị Sa M về việc yêu cầu xác định quyền sử dụng đất diện tích 2.609m². Trong đó, thuộc thửa đất số 689 (diện tích thực đo 1.922 m²), thuộc một phần của thửa 687 (diện tích 382 m²), thuộc một phần của thửa 688 (diện tích 244 m²), thuộc một phần của thửa 697 (diện tích 61m²) cùng tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh và phần đất diện tích 2.102m² thuộc một phần thửa 1660, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh là di sản của ông Thạch R1 và bà Thạch Thị U để lại. Đồng thời, yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất diện tích 2.609m² và phần đất diện tích là 2.102m² theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Thạch Thị T5 về việc yêu cầu ông Thạch X phải trả lại phần đất diện tích 2.102m² thuộc thửa số 1660, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long).

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Thạch Thị Sa M2 về việc yêu cầu công nhận phần đất diện tích 570m² thuộc một phần của thửa 689.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Thạch Thị Sa M3 về việc yêu cầu công nhận phần đất diện tích 618,8m² thuộc một phần của thửa 689.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Thạch Thị C3 tại thửa 687, diện tích 990m²; cho hộ ông Thạch S tại thửa 688, diện tích 860m² và cho hộ bà Kim Thi D4 tại thửa 697, diện tích 4.010m² cùng tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long) vào năm 1995.

- Công nhận phần đất diện tích 2.609m² (Trong đó, thuộc thửa đất số 689 (diện tích thực đo 1.922 m²), thuộc một phần của thửa 687 (diện tích 382 m²), thuộc một phần của thửa 688 (diện tích 244m²), thuộc một phần của thửa 697 (diện tích 61m²) cùng tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long) là di sản ông Thạch R1 và bà Thạch Thị U để lại.

- Chia thừa kế đối với phần đất diện tích 2.609m² cho những người thuộc hàng thừa kế thừa kế thứ nhất của cụ R1 và cụ U gồm:

+ Chia cho bà Thạch Thị Sa M giá trị 01 suất thừa kế bằng $401,38\text{m}^2 \times 590.000 \text{ đồng/m}^2 = 236.814.200 \text{ đồng}$.

+ Chia cho ông Thạch T2 giá trị 01 suất thừa kế bằng $401,38\text{m}^2 \times 590.000 \text{ đồng/m}^2 = 236.814.200 \text{ đồng}$.

+ Chia cho ông Thạch M6 (do Thạch Thị T3 đại diện) giá trị 01 suất thừa kế bằng $401,38\text{m}^2 \times 590.000 \text{ đồng/m}^2 = 236.814.200 \text{ đồng}$.

+ Chia cho ông Thạch D giá trị 01 suất thừa kế bằng $401,38\text{m}^2 \times 590.000 \text{ đồng/m}^2 = 236.814.200 \text{ đồng}$.

+ Chia cho bà Thạch Thị Sa N5 được quyền quản lý, sử dụng đất tổng diện tích thực đo 466m²; trong đó, thuộc một phần thửa số 687, có diện tích 244,3m²; thuộc một phần thửa số 688, có diện tích 218,2m²; thuộc một phần thửa số 689, có diện tích 0,8m²; thuộc một phần thửa số 697, có diện tích 2,7m² cùng tờ bản đồ số 5, cùng tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long) và tài sản gắn liền với đất.

Phần đất diện tích 466m², có tứ cận như sau (kèm theo sơ đồ khu đất):

Hướng Bắc giáp đường nhựa, kích thước 5,8 mét;

Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 697, kích thước 6,2 mét;

Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 687, kích thước 42,2 mét, phần còn lại của thửa 688, kích thước 31,3 mét; phần còn lại của thửa 689, kích thước 5,7 mét; phần còn lại của thửa 697, kích thước 0,9 mét.

Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 687, kích thước 41,8 mét; phần còn lại của thửa 688, kích thước 37,0 mét.

+ Bà Thạch Thị Sa N5 có nghĩa vụ hoàn trả giá trị phần diện tích chênh lệch so với 01 suất thừa kế được hưởng ($401,38\text{m}^2$) là $64,62\text{m}^2 \times 590.000 \text{ đồng/m}^2 = 38.125.800 \text{ đồng}$ cho ông Thạch M6 (do Thạch Thị T3 đại diện).

+ Chia cho ông Thạch X được quyền quản lý, sử dụng đất tổng diện tích thực đo $500,1\text{m}^2$, thuộc một phần thửa số 687, có diện tích $137,7\text{m}^2$; thuộc một phần thửa số 688, có diện tích $25,8\text{m}^2$; thuộc một phần thửa số 689, có diện tích $329,7\text{m}^2$; thuộc một phần thửa số 697, có diện tích $6,9\text{m}^2$ cùng tờ bản đồ số 5, cùng tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long) và tài sản gắn liền với đất.

Phần đất diện tích $500,1\text{m}^2$, có tứ cận như sau (kèm theo sơ đồ khu đất):

Hướng Bắc giáp lộ nhựa, kích thước 4,9 mét và 2,1 mét;

Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 697, kích thước 5,6 mét;

Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 689, kích thước 79,5 mét; phần còn lại của thửa 697, kích thước 1,6 mét.

Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 687, kích thước 42,2 mét, phần còn lại của thửa 688, kích thước 31,3 mét; phần còn lại của thửa 689, kích thước 5,7 mét; phần còn lại của thửa 697, kích thước 0,9 mét.

+ Công nhận cho ông Thạch X phần đất diện tích $453,2\text{m}^2$, loại đất cây lâu năm, thuộc một phần thửa số 689, có diện tích $439,2\text{m}^2$; thuộc một phần thửa số 697, có diện tích 14m^2 cùng tờ bản đồ số 5, cùng tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long) và tài sản gắn liền với đất.

Phần đất diện tích $453,2\text{m}^2$, có tứ cận như sau (kèm theo sơ đồ khu đất):

Hướng Bắc giáp lộ nhựa, kích thước 6,1 mét;

Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 697, kích thước 5,0 mét;

Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 689, kích thước 80,3 mét, phần còn lại của thửa 697, kích thước 3,2 mét;

Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 689, kích thước 80,1 mét; phần còn lại của thửa 697, kích thước 2,6 mét:

+ Buộc ông Thạch X có nghĩa vụ hoàn trả giá trị phần diện tích chênh lệch so với 1,5 suất thừa kế được hưởng ($500,1\text{m}^2 + 453,2\text{m}^2$) - $602.07\text{m}^2 = (351,23\text{m}^2 \times 590.000 \text{ đồng/m}^2 = 207.225.700 \text{ đồng}$ cho bà Thạch Thị Sa M.

+ Công nhận cho bà Thạch Thị Sa M2 được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích $570,9\text{m}^2$, loại đất cây lâu năm, thuộc một phần thửa số 689, có diện tích $555,7\text{m}^2$; thuộc một phần thửa số 697, có diện tích $15,2\text{m}^2$ cùng tờ bản đồ số 5, cùng tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long) và tài sản gắn liền với đất.

Phần đất diện tích $570,9\text{m}^2$, có tứ cận như sau (kèm theo sơ đồ khu đất):

Hướng Bắc giáp lộ nhựa, kích thước 6,7 mét;

Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 697, kích thước 7,5 mét;

Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 689, kích thước 80,1 mét, phần còn lại của thửa 697, kích thước 2,6 mét;

Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 689, kích thước 79,5 mét; phần còn lại của thửa 697, kích thước 1,6 mét.

+ Buộc bà Thạch Thị Sa M2 phải hoàn giá trị quyền sử dụng đất phần đất diện tích $570,9\text{m}^2$ ($570,9\text{m}^2 \times 590.000 \text{ đồng/m}^2$) bằng 336.831.000 đồng cho ông Thạch D giá trị 01 suất thừa kế bằng 236.814.200 đồng và cho ông Thạch M6 (do Thạch Thị T3 đại diện) bằng 100.016.800 đồng.

+ Công nhận cho bà Thạch Thị Sa M3 (S) được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích $618,8\text{m}^2$, loại đất cây lâu năm, thuộc một phần thửa số 689, có diện tích $596,6\text{m}^2$; thuộc một phần thửa số 697, có diện tích $22,2\text{m}^2$ cùng tờ bản đồ số 5, cùng tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long) và tài sản gắn liền với đất.

Phần đất diện tích $618,8\text{m}^2$; có tứ cận như sau (kèm theo sơ đồ khu đất):

Hướng Bắc giáp lộ nhựa, kích thước 9,1 mét;

Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 697, kích thước 6,3 mét;

Hướng Đông giáp thửa 690, kích thước 58,7 mét; giáp thửa 694, kích thước 21,8 mét và 4,0 mét;

Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 689, kích thước 80,3 mét; phần còn lại của thửa 697, kích thước 3,2 mét.

+ Buộc bà Thạch Thị Sa M3 (S) phải hoàn giá trị quyền sử dụng đất phần đất diện tích $618,8\text{m}^2$ ($618,8\text{m}^2 \times 590.000 \text{ đồng/m}^2$) bằng 365.092.000 đồng cho ông Thạch T2 giá trị 01 suất thừa kế bằng 236.814.200 đồng; cho ông Thạch M6 (do Thạch Thị T3 đại diện) số tiền 98.671.600 đồng và cho bà Thạch Thị Sa M số tiền 29.606.200 đồng.

- Chia thừa kế đối với phần đất diện tích 2.102 m^2 cho những người thuộc hàng thừa kế thừa kế thứ nhất của cụ R1 và cụ U gồm bà Thạch Thị Sa M, bà Thạch Thị Sa N5 (M6), ông Thạch X, ông Thạch T2, ông Thạch M6 (do Thạch Thị T3 đại diện) và ông Thạch D (Dinh) mỗi người 01 suất thừa kế theo pháp luật, cụ thể như sau:

+ Chia cho bà Thạch Thị Sa M 01 suất thừa kế bằng bằng hiện vật đối với phần đất diện tích $323,38\text{m}^2$ ($323,38\text{m}^2 \times 514.000 \text{ đồng/m}^2 = 166.217.320 \text{ đồng}$) và công nhận phần diện tích còn lại là $1.778,6\text{m}^2$. Tổng cộng diện tích là

2.102m² thuộc một phần thửa 1660, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long) cho bà Thạch Thị Sa M.

Phần đất diện tích 2.102m², có tứ cận như sau (kèm theo sơ đồ khu đất);

Hướng Bắc giáp đường nhựa, kích thước 35,5; giáp phần còn lại của thửa 1660, kích thước 53,1 mét;

Hướng Nam giáp thửa 1756, kích thước 31,6; giáp thửa 704, 705, 710, kích thước 50,1 mét;

Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 1660, kích thước 36,4 mét và 16,2 mét;

Hướng Tây giáp thửa 1718, kích thước 40,6 mét; giáp thửa 1756, kích thước 12,0 mét.

+ Bà Thạch Thị Sa M có nghĩa vụ chia cho các đồng thừa kế khác mỗi người 01 suất thừa kế theo pháp luật, cụ thể gồm:

+ Chia cho ông Thạch X giá trị 1,5 suất thừa kế bằng $(485,07\text{m}^2 \times 514.000 \text{ đồng/m}^2) = 249.325.980 \text{ đồng}$.

+ Chia cho bà Thạch Thị Sa N5 giá trị 01 suất thừa kế bằng $(323,38\text{m}^2 \times 514.000 \text{ đồng/m}^2) = 166.217.320 \text{ đồng}$.

+ Chia cho ông Thạch T2 giá trị 01 suất thừa kế bằng $(323,38\text{m}^2 \times 514.000 \text{ đồng/m}^2) = 166.217.320 \text{ đồng}$.

+ Chia cho ông Thạch M6 (do Thạch Thị T3 đại diện) giá trị 01 suất thừa kế bằng $(323,38\text{m}^2 \times 514.000 \text{ đồng/m}^2) = 166.217.320 \text{ đồng}$.

+ Chia cho ông Thạch D giá trị 01 suất thừa kế bằng $(323,38\text{m}^2 \times 514.000 \text{ đồng/m}^2) = 166.217.320 \text{ đồng}$.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự được quyền, nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án và quy định của pháp luật.

5. Về chi phí tố tụng là 13.914.000 đồng bà Thạch Thị Sa M, bà Thạch Thị Sa N5 (M6), ông Thạch X, ông Thạch T2, ông Thạch M6 (do Thạch Thị T3 đại diện); ông Thạch D (D5) mỗi người phải chịu 2.319.000 đồng.

Do bà Thạch Thị Sa M đã nộp tạm ứng trước số tiền 15.000.000 đồng nên cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thu từ bà Thạch Thị Sa N5 (M6), ông Thạch

X, ông Thạch T2, ông Thạch M6 (do Thạch Thị T3 đại diện); ông Thạch D (D2) mỗi người số tiền 2.432.500 đồng để trả lại cho bà Thạch Thị Sa M.

Hoàn trả lại cho bà Thạch Thị Sa M số tiền tạm ứng cho phí tố tụng còn thừa bằng 1.086.000 đồng.

6. Về án phí:

6.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Thạch Thị Sa M, bà Thạch Thị Sa N5 (M6), ông Thạch X, ông Thạch T2, ông Thạch M6 (do Thạch Thị T3 đại diện); ông Thạch D (D) và bà Thạch Thị T5 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Buộc bà Thạch Thị Sa M2 phải nộp 17.141.550 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, trong đó có 300.000 đồng án phí không có giá ngạch và 16.841.550 đồng án phí có giá ngạch.

+ Buộc bà Thạch Thị Sa M3 phải nộp 18.554.600 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, trong đó có 300.000 đồng án phí không có giá ngạch và 18.254.600 đồng án phí có giá ngạch.

6.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Thạch X được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực 13 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 13 – Vĩnh Long;
- Phòng GD,KT,TT&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạt